TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận.

2. Ông Bùi Văn Khởi.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2020 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 05 ngày 14/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; có đơn xin xử vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1963; vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:
+ Bà Phạm Thị I, sinh năm 1954; xin xử vắng mặt.
+ Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1992; xin xử vắng mặt.
Đều trú tại: Thôn V, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Bà và ông Phạm Văn T1 kết hôn vào ngày 26/11/1985 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, ông T1 tính tình nóng nảy, thiếu tôn trọng bà nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí ông T1 còn một vài lần dùng tay chân đánh bà và đuổi bà ra khỏi nhà. Khoảng 02 năm nay ông T1 cấm bà về nhà, kể cả ngày lễ tết. Đến nay bà xác định không còn tình cảm gì

với ông T1, vợ chồng bà không có khả năng đoàn tụ nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1.

Về con chung: Vợ chồng bà có 04 con chung là Phạm Thị H2 - sinh năm 1990, Phạm Thị H2- sinh năm 1992, Phạm Thị D2- sinh năm 1995, Phạm Thị Th- sinh năm 1997. Do các con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Lời khai của người làm chứng là bà Phạm Thị I và lời khai của các con bà T, ông T1 là chị H1, chị H2, cũng như tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng, bà T, ông T1 đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn.Vợ chồng ông T1, bà T đã sống ly thân từ lâu, ông T1 cấm bà T về nhà kể cả ngày lễ tết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử Bà T ly hôn ông T1. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Thanh Hà trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, ông T1, bà T chỉ sống hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, ông T1 tính tình nóng nảy, thiếu

tôn trọng bà T nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí ông T1 còn đánh đuổi bà T và không cho bà T về nhà kể cả ngày lễ tết. Thực tế vợ chồng bà T đã sống ly thân gần hai năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 nên kiên quyết xin ly hôn với ông T1. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà T, ông T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử bà T ly hôn ông T1 là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Do các con của bà T, ông T1 đều đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Không đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Nguyễn Thị T ly hôn ông Phạm Văn T1.

2. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008959 ngày 11/2/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Bà T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Nhung